TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG Hòa XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày: 21 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Do

- Bà Trần Thị Hà Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Y, (tên gọi khác: Không), Sinh ngày 10/5/2002 tại huyện Đ, tỉnh G; Nơi cư trú: Làng H, xã K, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà R (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai trong vụ án khác. Có mặt.

**** Bị hại:*** Anh **P**, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn Do, xã G, huyện Đak Đ, tỉnh G. Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Anh **M**sinh năm: 1985. Trú tại: Làng B, xã Kg, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2. Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1980. Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện M, tỉnh G. Có mặt.

3. Anh **B**, sinh năm: 1979. Trú tại: Làng Đ, xã Đăk D, huyện M, tỉnh G. Vắng mặt.

**** Người phiên dịch*:** Ông Ông **B.** Trú tại: Thôn G, xã G, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 09/8/2021, anh P điều khiển xe mô tô biển số 81K9- 5492, đi từ nhà đến thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G để làm thuê cào cỏ cà phê cho gia đình ông Lương H (sinh năm 1959, trú tại: Tổ 1, phường Y, thành phố P, tỉnh G), tại rẫy cà phê thuộc thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Khi đến rẫy cà phê, anh P để xe mô tô biển số 81K9- 5492 bên đường đất, sát rẫy cà phê rồi đi làm cỏ thuê cho gia đình ông Hi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Yăn đi bộ từ nhà đến khu vực ruộng lúa thuộc làng R, xã K, huyện Đ, tỉnh G để xem bẫy bắt chuột nhưng không có chuột thì Y đi bộ về nhà, khi đi đến khu vực rẫy cà phê của gia đình ông Lương Hai thì Yăn phát hiện có 01 xe mô tô biển số 81K9- 5492 của anh Phôn để ở bên đường đất, sát rẫy cà phê không có người trông coi nên Y nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Y đi lại chỗ để xe mô tô biển số 81K9- 5492 thấy có chìa khóa xe mô tô ở trong ổ khóa điện của xe, Yăn dắt xe mô tô đi một đoạn khoảng 30m rồi đạp nổ máy điều khiển xe mô tô biển số 81K9- 5492 đi đến đoạn đường thuộc làng R, xã K, huyện Đ, tỉnh G, Y dừng xe mô tô và mở cốp yên xe để kiểm tra thì thấy trong cốp xe có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492. Sau đó, Y điều khiển xe mô tô đi đến xã Đ, huyện M, tỉnh G để tiêu thụ xe mô tô biển số 81K9- 5492 để lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 15 giờ ngày 09/8/2021, Y điều khiển xe mô tô biển số 81K9- 5492 đi đến tiệm sửa xe mô tô của anh Dương Văn H để bán xe mô tô nhưng anh H không mua. Tại quán sửa xe mô tô của anh H lúc này có anh B đang sửa xe tại đây, biết anh M (là em rể của B) đang có nhu cầu mua xe mô tô để sử dụng nên anh B dẫn Y đi đến nhà anh M để xem xe, sau khi xem xe anh M đồng ý mua xe mô tô biển số 81K9- 5492 với số tiền 7.500.000 đồng.

Sau khi bán xe mô tô biển số 81K9- 5492, Y cho anh B 500.000 đồng, rồi anh Bươk chở Yăn đi đến tiệm sửa xe mô tô của anh Dương Văn H, Y mua xe mô tô biển số 81E1- 023.14 của anh H với giá 3.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Sau khi mua xe mô tô biển số 81E1- 023.14, Y điều khiển xe mô tô đi uống rượu tại làng H, xã Đ, huyện M, tỉnh G đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Y điều khiển xe mô tô biển số 81E1- 023.14 đi về nhà thì Y tự ngã ra đường, Y bị thương được người dân đi cấp cứu và điều trị tại Trung tâm y tế huyện M từ ngày 09/8/2021 đến ngày 23/9/2021 thì ra viện; xe mô tô biển số 81E1- 023.14 sau tai nạn bị hư hỏng nặng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe mô tô nên ngày 10/8/2021, anh P đã làm Đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo quy định.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 81K9- 5492, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh, số khung 107Y144335, số máy 5C61144336 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492 do anh M giao nộp;

- 01 xe mô tô biển số 81E1- 023.14, nhãn hiệu Soem, màu sơn nâu, số khung MAXS04809, số máy FMG004809 bị hư hỏng nặng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81E1- 023.14 do Công an huyện M bàn giao;

- Số tiền 500.000 đồng do anh Bươk giao nộp.

Theo Kết luận định giá tài sản số 90 ngày 25/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Xe mô tô biển số 81K9- 5492 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 5.800.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

- Đối với xe mô tô biển số 81K9- 5492 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492 thuộc sở hữu của anh P nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho anh P chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô biển số 81E1- 023.14 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81E1- 023.14, sau tai nạn bị hư hỏng nặng. Qúa trình điều tra xác định sau khi bán xe mô tô cho anh M, Y đã sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để mua xe mô tô biển số 81E1- 023.14 của anh H để sử dụng, sau đó Y bị tai nạn nên xe mô tô bị hư hỏng nặng. Anh M và Y đã tự thỏa thuận, Yăn giao xe mô tô biển số 81E1- 023.14 cho anh M với giá 500.000 đồng để cấn trừ tiền Y phải bồi thường cho anh M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho anh M theo quy định.

- Đối với số tiền 500.000 đồng do anh B giao nộp, là tiền Y cho anh ươk sau khi bán xe mô tô cho anh âm nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

Về dân sự:

- Anh P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 81K9- 5492 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492, anh P không có yêu cầu bôi thường gì thêm về phần dân sự.

- Anh M yêu cầu bị cáo Yăn bồi thường số tiền còn lại là 7.000.000 đồng, Y đồng ý bồi thường số tiền trên, hiện nay bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Yăn về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về điều luật, tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình. Tuyên bố bị cáo Y phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Về bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Msố tiền 7.000.000 đồng. Tiếp tục bảo thủ số tiền 500.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phần bồi thường dân sự của bị cáo theo quy định của pháp luật (Số tiền 500.000 đồng nêu trên được Công an huyện Đak Đoa,

tỉnh Gia Lai gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ, tỉnh Gia lai tại số tài khoản 5012203000016, theo Lệnh thanh toán ngày 06/12/2021).

- Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 143, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với hành vi, tội danh, điểm, khoản, Điều luật đã truy tố, không có khiếu nại, không có ý kiến phản đối gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập và chứng cứ, tài liệu của bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp có tại hồ sơ đều phù hợp với quy định của pháp luật. Và hành vi của các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 09/8/2021, tại khu vực đường đất sát rẫy cà phê của gia đình anh Lương H thuộc thôn Cầu V, xã K, huyện Đ, tỉnh G, lợi dụng sơ hở của anh P là người bị hại nên Y đã có hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 81K9- 5492 của anh Phôn. Theo Kết luận định giá tài sản số 90 ngày 25/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận xe mô tô biển số 81K9- 5492 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 5.800.000 đồng.

[3] Về vình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, ngoài vụ án này bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản khác đã bị Cơ quan điều tra Công án huyện Đ khởi tố, điều tra trong 01 vụ án khác (chưa xét xử).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hình vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy, lời khai của bị cáo Yăn tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp

với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 5.800.000 đồng nên đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là thanh niên có đầy đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản thân muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu vật chất cá nhân mà đã bất chấp pháp luật để phạm tội nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, ngoài vụ án này bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đak Đoa khởi tố, điều tra trong 01 vụ án khác (chưa xét xử), do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần có một mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo để trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên để có một mức án phù hợp cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, do bị cáo không có tài sản riêng Hội đồng xét xử quyết định không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với anh Mâm là người đã mua xe mô tô biển số 81K9- 5492 do bị cáo Y bán, khi mua xe mô tô anh M không biết đó là tài sản do bị cáo Yăn phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về hình sự đối với anh Mâm là phù hợp.

Đối với anh Bươk là người đã giúp bị cáo Ybán xe mô tô biển số 81K9- 5492 cho anh M, anh B không biết đó là tài sản do bị cáo Y phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về hình sự đối với anh B là phù hợp.

Đối với anh Dương Văn H là người đã bán xe mô tô biển số 81E1- 023.14 cho bị cáo Y, anh H không biết Yăn sử dụng số tiền do phạm tội mà có để mua xe nên không có căn cứ xử lý về hình sự đối với anh H là phù hợp.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 81K9- 5492, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh, số khung 107Y144335, số máy 5C61144336 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492 do anh M giao nộp. Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 81K9-5492 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492 thuộc sở hữu của anh P nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho anh P chủ sở hữu theo quy định là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 81E1- 023.14, nhãn hiệu Soem, màu sơn nâu, số khung MAXS04809, số máy FMG004809 bị hư hỏng nặng và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81E1- 023.14 do Công an huyện M bàn giao. Qúa trình điều tra xác định sau khi bán xe mô tô cho anh M, Y đã sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để mua xe mô tô biển số 81E1- 023.14 của anh H để sử dụng, sau đó Y bị tai nạn nên xe mô tô bị

hư hỏng nặng. Anh M và Yđã tự thỏa thuận, Yăn giao xe mô tô biển số 81E1- 023.14 cho anh Mâm với giá 500.000 đồng để cấn trừ tiền Yn phải bồi thường cho anh Mm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho anh Mâm theo quy định là phù hợp.

- Đối với số tiền 500.000 đồng do anh B giao nộp. Đây là tiền Y cho anh B sau khi bán xe mô tô cho anh M nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về dân sự:

- Anh P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 81K9- 5492 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81K9- 5492, anh Pôn không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Anh M đã mua 01 xe mô tô biển số 81K9- 5492 với số tiền 7.500.000 đồng do bị cáo Y bán. Hiện nay xe mô trên đã bị thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh P. Xét thấy, giữa bị cáo Y và anh Mâm đã tự thỏa thuận là anh M mua xe ô tô biển số 81E1-023.14 đã bị hư hỏng với số tiền 500.000 đồng và chỉ còn yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Y và anh M đã thỏa thuận được với nhau về bồi thường dân sự, cụ thể: Bị cáo Y còn phải bồi thường cho anh M số tiền là 7.000.000 đồng (ngoài thỏa thuận trước đây là anh Mâm đã mua xe ô tô biển số 81E1-023.14 đã bị hư hỏng với số tiền 500.000 đồng), đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận. Do quá trình điều tra đã thu giữ số tiền 500.000 đồng anh do Bươk đã nộp lại để trả lại cho bị cáo Yăn và số tiền này cơ quan điều tra đã gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ để đảm bảo việc bồi thường dân sự của bị cáo cho anh M, nên bị cáo Y còn phải tiếp tục bồi thường cho anh M số tiền là 6.500.000 đồng.

[8] Về án phí:

- Án phí hình sự: Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự: Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường anh mâm số tiền là 7.000.000 đồng, nhưng đã thu giữ số tiền 500.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho anh M trong giai đoạn điều tra, do đó bị cáo thực tế còn bồi thường cho anh M số tiền 6.500.000 đồng nên bị cáo chỉ chịu án phí dân sự trên số tiền còn phải bồi thường này là 325.000 đồng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Từ những nội dung mà Hội đồng xét xử đã phân tích, xem xét nêu trên nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật được áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;.

Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 143, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Y phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Yăn 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

4. Về bồi thường dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường dân sự như sau:

Bị cáo Y có nghĩa vụ bồi thường cho anh Mâm với số tiền là 7.000.000 đồng.

Tiếp tục bảo thủ số tiền 500.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phần bồi thường dân sự của bị cáo theo quy định của pháp luật (Số tiền 500.000 đồng nêu trên được Công an huyện Đ, tỉnh Gi gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ, tỉnh G tại số tài khoản 5012203000016, theo Lệnh thanh toán ngày 06/12/2021).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

Buộc các bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Đoa;
- Công an huyện Đak Đoa;
- Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; nlq; người co ql&nvlq;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Xuân Hòa